

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/11/2021

V/v“Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Vũ Thị Hạnh;

2. Ông Đoàn Văn Lước.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện M, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện M, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L (Có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt), trình bày:*

Bà Trương Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tân Uyên (nay là M), tỉnh Bình Dương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh P, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn năm 2018- 2019, vợ chồng thường xuyên có lời qua, tiếng lại do ông T không lo làm ăn để chăm lo cho kinh tế của gia đình, ông T nhiều lần có lời lẽ xúc phạm, đánh đập bà L, từ mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; được Tòa án động viên bà và ông

T hứa sửa chữa khuyết điểm về sống chung nhưng đến năm 2020, lại tiếp tục mâu thuẫn như trên, bà L bỏ đi nơi khác sinh sống. Mặc dù gia đình hai bên, chính quyền địa phương đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T vẫn không chịu thay đổi.

Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng sống chung có 02 con chung là Nguyễn Minh P, sinh năm 1998 và Nguyễn Hồng P1, sinh năm 2002 đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T (Có đơn xin vắng mặt), trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà L về quá trình kết hôn và chung sống; về con chung, thống nhất ý kiến của bà L, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước yêu cầu ly hôn của bà P1, ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L vì ông cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Việc ông có đánh bà là do ông quá nóng Th vì bà nói sai với ý của ông, ông cũng rút kinh nghiệm nay không đánh vợ nữa.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại ấp 1, xã B, huyện M nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ L với ông Nguyễn Văn T sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà L khai, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống từ năm 2018-2019 nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, vợ chồng lời qua tiếng lại nhiều lần, ông T không lo cho kinh tế của gia đình, bà L khai ông T nhiều lần có lời lẽ xúc phạm và đánh đập bà L, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng nên năm 2020, bà L đã bỏ đi sống riêng. Bà L cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T để được tự do làm ăn, sinh sống.

Ông T không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn. Việc ông đánh bà là do nóng Th do bà nói sai, ông cũng rút kinh nghiệm, không đánh bà L nữa.

[4] Qua thẩm tra, đánh giá lời khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L không mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung với ông T, xét tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai bên nhưng bà L thật sự cương quyết xin ly hôn, việc ông T xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp đoàn tụ để được bà L chấp nhận nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn T, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Mỹ L nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054768 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M.

5. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện M;
- CCTHADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hùng**

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

